SỞ GD&ĐT KHÁNH HÒA
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CỦA THÍ SINH
HỘI ĐỒNG THI: HOÀNG VĂN THỤ

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
1	120001	001	Đinh Ngọc Bảo	An	17/08/2010	1	2.75	5.5	9.25	
2	120002	001	Nguyễn Bảo	An	27/08/2010	7	8.75	7.25	23.00	
3	120003	001	Triệu Thục Gia	An	20/09/2010	8.5	7.75	9.75	26.00	
4	120004	001	Lê Phan Hồng	An	12/10/2010	3.5	3.75	3.75	11.00	
5	120005	001	Nguyễn Ngọc Khánh	An	11/01/2010	6.25	6	4	16.25	
6	120006	001	Phan Khánh	An	03/12/2010	5.5	3	2	10.50	
7	120007	001	Lê Ngọc	An	06/09/2010	6.5	3.25	5	14.75	
8	120008	001	Nguyễn Phúc	An	12/02/2010	3.5	5.25	5.25	14.00	
9	120009	001	Nguyễn Đặng Phúc	An	24/09/2010	7.75	7.5	6.75	22.00	
10	120010	001	Nguyễn Mai Phúc	An	10/03/2010	6.75	6.25	5	18.00	
11	120011	001	Trương Nguyễn Thành	An	02/08/2010	5.5	2.75	4.5	12.75	
12	120012	001	Nguyễn Thế	An	19/07/2010	7.5	7.5	4.25	19.25	
13	120013	001	Dương Hồng Thiên	An	13/06/2010	8.5	5.25	5.5	19.25	
14	120014	001	Lê Võ Trịnh	An	11/02/2010	5.25	4.5	4.25	14.00	
15	120015	001	Phan	Anh	03/11/2010	5	7.5	7.25	19.75	
16	120016	001	Hà Duy	Anh	05/02/2010	3.25	8.25	7	18.50	
17	120017	001	Nguyễn Trần Hà	Anh	09/10/2010	8.5	8	6.25	22.75	
18	120018	001	Nguyễn Hải	Anh	02/02/2010	6	4	3	13.00	
19	120019	001	Cao Hoàng	Anh	22/06/2010	1.5	2.5	4.5	8.50	
20	120020	001	Nguyễn Hoàng	Anh	06/04/2010	6.5	5	7.75	19.25	
21	120021	001	Mai Hồng	Anh	11/01/2010	3.75	7	6.5	17.25	
22	120022	001	Nguyễn Hoàng Kim	Anh	20/01/2010	7.25	6.5	6.75	20.50	
23	120023	001	Trương Nguyễn Kim	Anh	19/03/2010	4.25	6	3.5	13.75	
24	120024	001	Phạm Lan	Anh	08/02/2010	5.5	9	7.25	21.75	
25	120025	002	Trần Lan	Anh	14/04/2010	6	6.5	5.75	18.25	
26	120026	002	Phan Ngọc Mai	Anh	13/01/2010	5.25	3.25	4.75	13.25	
27	120027	002	Nguyễn Thái Minh	Anh	05/02/2010	6	4	3.5	13.50	
28	120028	002	Thái Ngọc Minh	Anh	04/02/2010	5.25	6.5	5.25	17.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
29	120029	002	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	12/09/2009	4.75	3.5	4	12.25	
30	120030	002	Ngô Nguyễn Quốc	Anh	15/12/2010	3.75	7.75	4	15.50	
31	120031	002	Bùi Bảo Trâm	Anh	05/11/2010	6.75	6	5.75	18.50	
32	120032	002	Nguyễn Trâm	Anh	26/04/2010	4.75	4.5	3.25	12.50	
33	120033	002	Nguyễn Trần Trâm	Anh	19/01/2010	6.5	5.25	5.5	17.25	
34	120034	002	Mai Thị Tú	Anh	10/08/2010	5.75	5.5	4	15.25	
35	120035	002	Nguyễn Trần Vân	Anh	09/08/2010	8	8	6	22.00	
36	120036	002	Hoàng Việt	Anh	11/08/2010	5	4.25	1.25	10.50	
37	120037	002	Lê Việt	Anh	13/12/2009	6.5	6.5	8	21.00	
38	120038	002	Nguyễn Thị Ngọc	Ái	06/07/2010	7.25	6	5.5	18.75	
39	120039	002	Lê Ngọc	Ánh	23/04/2010	2	3.75	3	8.75	
40	120040	002	Phạm Đặng Bảo	Ân	11/02/2010	6.5	6.75	7.75	21.00	
41	120041	002	Huỳnh Duy	Ân	04/10/2010	2.75	2.5	2.75	8.00	
42	120042	002	Ngô Hạ	Ân	20/07/2010	7.25	6.75	5.5	19.50	
43	120043	002	Lê Nguyễn Hồng	Ân	30/05/2010	6.5	9	6	21.50	
44	120044	002	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	21/01/2010	7.75	5	3.5	16.25	
45	120045	002	Võ Nguyễn Hồng	Ân	29/08/2010	7.25	6	4.75	18.00	
46	120046	002	Nguyễn Thanh	Ân	12/04/2010	4	6.25	2	12.25	
47	120047	002	Đoàn Thiên	Ân	17/09/2010	7.5	7.25	3.75	18.50	
48	120048	002	Hoàng Thiên	Ân	08/10/2010	7.25	6.75	4.25	18.25	
49	120049	003	Đỗ Hoàng	Bách	27/03/2010	8	6	5.5	19.50	
50	120050	003	Nguyễn Hoàng	Bách	04/03/2010	7.5	7.25	4.25	19.00	
51	120051	003	Đào Gia	Bảo	21/11/2010	5.25	3.5	3.5	12.25	
52	120052	003	Lưu Gia	Bảo	24/01/2010	5.5	4.75	8.25	18.50	
53	120053	003	Nguyễn Gia	Bảo	02/01/2010	6.5	7.75	4.75	19.00	
54	120054	003	Nguyễn Gia	Bảo	28/05/2010	7	7.25	7.75	22.00	
55	120055	003	Nguyễn Công Gia	Bảo	07/10/2010	8	8	7.25	23.25	
56	120056	003	Phan Lê Gia	Bảo	28/12/2010	4.75	2	3.5	10.25	
57	120057	003	Phạm Gia	Bảo	06/09/2010	5.75	5.25	3.5	14.50	
58	120058	003	Trần Nguyễn Gia	Bảo	04/07/2010	4.5	3.75	4	12.25	
59	120059	003	Võ Gia	Bảo	08/02/2010	5.75	7.25	4.5	17.50	
60	120060	003	Võ Hoàng	Bảo	18/08/2010	5.75	3.75	6.25	15.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
61	120061	003	Ngô Quốc	Bảo	22/10/2010	1.5	2.75	3.5	7.75	
62	120062	003	Phùng Vinh	Bảo	16/02/2010	6.5	6.5	3.25	16.25	
63	120063	003	Nguyễn Hàm	Băng	01/04/2010	6	4.25	4	14.25	
64	120064	003	Nguyễn Phạm Hải	Băng	01/07/2010	7.75	7	5	19.75	
65	120065	003	Trần Hà Hoài	Băng	09/06/2010	5.25	4.25	2	11.50	
66	120066	003	Đặng Thị Ngọc	Bích	17/07/2010	6	4	4.25	14.25	
67	120067	003	Đoàn Ngọc	Bích	04/09/2010	5.5	1.5	3.75	10.75	
68	120068	003	Phạm Hoàng Ngọc	Bích	04/04/2010	7.25	5.25	3.75	16.25	
69	120069	003	Trần Thị Sao	Bích	05/05/2010	7.75	3.5	4.5	15.75	
70	120070	003	Đặng Hoàng Thái	Bình	29/10/2009	5.75	5.75	5.5	17.00	
71	120071	003	Dương Tiểu	Bình	09/09/2010	6	7.25	4.75	18.00	
72	120072	003	Võ Thị Quỳnh	Cang	26/02/2010	7	5.25	5.75	18.00	
73	120073	004	Nguyễn Hoàng	Cao	09/08/2010	5	3	3.25	11.25	
74	120074	004	Đặng Thị Bảo	Châu	08/10/2010	7.5	6.75	3.5	17.75	
75	120075	004	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	21/08/2010	7.5	5	4.75	17.25	
76	120076	004	Phạm Thị Hà Bảo	Châu	23/12/2010	8.25	6	5.5	19.75	
77	120077	004	Dương Giang	Châu	27/09/2010	7	7.25	6.75	21.00	mẹ dân tộc Hoa
78	120078	004	Nguyễn Minh	Châu	07/08/2010	5	4.5	3.5	13.00	
79	120079	004	Trần Ngọc Minh	Châu	13/07/2010	7.25	5.75	4.75	17.75	
80	120080	004	Trần Kim	Chi	18/07/2010	7.75	7.75	8.5	24.00	
81	120081	004	Nguyễn Ngọc Quế	Chi	29/01/2010	7	4.25	5.75	17.00	
82	120082	004	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/06/2010	7	3.25	5.25	15.50	
83	120083	004	Phạm Thị Trúc	Chi	16/01/2010	4.75	6.25	4.5	15.50	
84	120084	004	Lê Thái Minh	Chí	20/09/2010	6	8	4.5	18.50	
85	120085	004	Trần Ngọc	Chương	27/04/2010	8	7.75	4.5	20.25	
86	120086	004	Trần Duy	Cường	03/05/2010	6.25	6.75	3	16.00	
87	120087	004	Nghiêm Nhật	Cường	02/05/2010	5.25	6.5	5.75	17.50	
88	120088	004	Lê Nhựt	Cường	25/08/2010	7.5	3.75	3.75	15.00	
89	120089	004	Trần Quốc	Cường	19/02/2010	8	9	8.25	25.25	
90	120090	004	Mùa A	Cử	01/01/2010	7	6.75	8.25	22.00	Dân tộc thiểu số
91	120091	004	Nguyễn Thành	Danh	08/11/2010	6.5	7	4.5	18.00	
92	120092	004	Nguyễn Thành	Danh	12/11/2010	3.75	4.25	1.75	9.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
93	120093	004	Nguyễn Quốc Thành	Danh	18/06/2010	6.5	6.25	4.25	17.00	
94	120094	004	Hoàng Thy	Di	19/12/2010	7.5	6.5	6.5	20.50	Dân tộc Tày
95	120095	004	Trần An	Diên	25/09/2010	6.5	5	7.75	19.25	
96	120096	004	Trần Thị Phương	Dung	20/04/2010	7	6	3.75	16.75	
97	120097	005	Trần Thái Anh	Duy	19/02/2010	6.75	7.75	6.75	21.25	
98	120098	005	Nguyễn Hoàng	Duy	06/05/2010	4.75	3.75	4	12.50	
99	120099	005	Nguyễn Hoàng	Duy	10/03/2010	6	8.75	8.75	23.50	
100	120100	005	Dương Nguyễn Khánh	Duy	18/07/2010	6.25	9	8.25	23.50	
101	120101	005	Võ Trần Khánh	Duy	04/08/2010	7	6	5.5	18.50	
102	120102	005	Nguyễn Mạnh	Duy	21/05/2010	6	6.5	4.75	17.25	
103	120103	005	Huỳnh Quang	Duy	30/09/2010	3	3.75	3.25	10.00	
104	120104	005	Nguyễn Thành	Duy	31/10/2010	6.25	6	3.75	16.00	
105	120105	005	Nguyễn Thị Hoàng	Duyên	23/02/2010	6.75	4	4.25	15.00	
106	120106	005	Trần Thị Khánh	Duyên	25/02/2010	7.5	6.75	5	19.25	
107	120107	005	Lê Minh Kỳ	Duyên	10/12/2010	7.25	5.5	7	19.75	
108	120108	005	Lê Nguyễn Kỳ	Duyên	10/07/2010	4	3.25	2.75	10.00	
109	120109	005	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	12/06/2010	7.25	4	6	17.25	
110	120110	005	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên	05/10/2010	4.75	6	5.25	16.00	
111	120111	005	Lê Nguyễn Thiên	Duyên	19/05/2010	8.5	9	8	25.50	
112	120112	005	Nguyễn Lê Anh	Dũng	19/10/2010	5.5	3.75	4	13.25	
113	120113	005	Nguyễn Đăng	Dũng	21/11/2010	6.5	6.5	5.75	18.75	
114	120114	005	Trần Tân	Dũng	28/02/2010	7.25	7.75	7.25	22.25	
115	120115	005	Nguyễn Tiến	Dũng	05/11/2010	5.75	2.25	3.5	11.50	
116	120116	005	Nguyễn Ngọc Tiến	Dũng	03/05/2010	3.25	1.25	2.75	7.25	
117	120117	005	Vũ Viết	Dũng	27/12/2010	6.25	4.5	2.5	13.25	
118	120118	005	Hoàng Việt	Dũng	30/09/2010	7	7.75	6.5	21.25	
119	120119	005	Phạm Hồ Ánh	Dương	15/10/2010	7.25	7.25	4.25	18.75	
120	120120	005	Nguyễn Lê Thùy	Dương	19/05/2010	6	5.25	7.25	18.50	
121	120121	006	Nguyễn Trịnh Thùy	Dương	22/09/2010	7	4.25	4.75	16.00	
122	120122	006	Phan Thị Thùy	Dương	29/05/2010	6	3.5	3.75	13.25	
123	120123	006	Võ Thị Thùy	Dương	01/01/2009	7.5	4.5	4.75	16.75	
124	120124	006	Đặng Hữu	Đang	18/05/2010	6.5	4.75	6.75	18.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
125	120125	006	Hồ Cẩm	Đào	26/03/2010	7	4	6	17.00	Con thương binh
126	120126	006	Nguyễn Vũ Hoàng	Đạt	30/08/2010	7.25	6	5.25	18.50	
127	120127	006	Hoàng Thành	Đạt	24/12/2010	2.25	0	3	5.25	
128	120128	006	Nguyễn Thành	Đạt	20/09/2010	7.5	5.25	4.75	17.50	
129	120129	006	Nguyễn Văn Thành	Đạt	14/02/2010	8.75	7.75	5.75	22.25	
130	120130	006	Võ Thành	Đạt	16/11/2010	5.75	3	2	10.75	
131	120131	006	Vũ Thành	Đạt	04/10/2010	5.75	6.25	4.75	16.75	
132	120132	006	Đỗ Tiến	Đạt	18/05/2009	4.5	1	4.75	10.25	
133	120133	006	Nguyễn Tiến	Đạt	05/03/2010	7.5	6.5	7	21.00	
134	120134	006	Phan Tiến	Đạt	09/04/2010	6.5	4.25	5.75	16.50	
135	120135	006	Trần Văn Tiến	Đạt	19/01/2010	7.75	7.75	6.25	21.75	
136	120136	006	Lê Văn	Đạt	28/02/2010	5.5	6.75	5.5	17.75	
137	120137	006	Nguyễn Văn	Đạt	20/04/2010	6.75	7.75	4.25	18.75	
138	120138	006	Trần Đình	Đăng	10/01/2010	7.25	5.75	4	17.00	
139	120139	006	Phạm Hoàng Hải	Đăng	02/10/2010	1	2.25	2	5.25	
140	120140	006	Vũ Hoàng	Đăng	26/04/2010	5	7.75	6.75	19.50	
141	120141	006	Nguyễn Huỳnh Khánh	Đăng	26/02/2010	7.5	5.75	4.75	18.00	
142	120142	006	Ngô Quang	Định	13/03/2010	7.25	7.5	7	21.75	
143	120143	006	Võ Thiện Thảo	Đoan	22/04/2010	7.75	6.25	6.75	20.75	
144	120144	006	Nguyễn Ngọc	Đoàn	25/07/2010	6.25	5.25	1.5	13.00	
145	120145	007	Trần Huỳnh Thanh	Được	09/10/2010	5.25	6.25	4.5	16.00	
146	120146	007	Bùi Minh	Đức	30/12/2010	6.5	7	6.75	20.25	
147	120147	007	Hoàng Minh	Đức	27/05/2010	6.25	3.75	6	16.00	
148	120148	007	Nguyễn Minh	Đức	12/01/2010	6.25	5.75	4	16.00	
149	120149	007	Ngụy Hữu Phú	Đức	12/08/2010	6	7	8	21.00	
150	120150	007	Chu Hoài Quang	Đức	23/08/2010	7.25	1.75	3.75	12.75	
151	120151	007	Võ Lê Trung	Đức	18/05/2010	7.75	7	6.75	21.50	
152	120152	007	Phạm Lâm	Giang	08/08/2009	2.5	7.5	3	13.00	
153	120153	007	Võ Nguyễn Phương	Giang	02/05/2010	8.75	9	8.75	26.50	
154	120154	007	Nguyễn Xuân Khánh	Hà	17/01/2010	4	8.25	5	17.25	
155	120155	007	Phạm Bùi Thanh	Hà	29/04/2010	6	5.5	2.75	14.25	
156	120156	007	Châu Gia	Hào	24/04/2010	6.25	2.5	4.25	13.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
157	120157	007	Huỳnh Nguyễn Quốc	Hào	05/07/2010	2.25	3.75	5	11.00	
158	120158	007	Hoàng Trung	Hải	28/11/2010	V	V	V	######	
159	120159	007	Nguyễn Hoàng	Hảo	21/08/2010	6	7.75	5.25	19.00	
160	120160	007	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	20/08/2010	7.75	2.75	2.5	13.00	
161	120161	007	Nguyễn Mậu Nguyên	Hạo	09/11/2009	8.5	7.75	5.25	21.50	
162	120162	007	Trần Phước	Hạo	12/05/2010	6.5	8	7.25	21.75	
163	120163	007	Huỳnh Tuấn	Hạo	20/07/2010	5.25	5.25	4	14.50	
164	120164	007	Đào Nguyễn Minh	Hằng	05/04/2010	6.25	5.75	4.25	16.25	
165	120165	007	Phan Thị Minh	Hằng	04/10/2010	8	8	6	22.00	
166	120166	007	Cao Lê Bảo	Hân	21/10/2010	6.25	6	6.25	18.50	
167	120167	007	Đào Duy Bảo	Hân	05/03/2010	5.5	5.75	4	15.25	
168	120168	007	Lê Bảo	Hân	22/09/2010	7.75	5.25	4.5	17.50	
169	120169	008	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	06/03/2010	6.75	3.75	2.75	13.25	
170	120170	008	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	31/10/2010	6.5	6	2.25	14.75	
171	120171	008	Trần Nguyễn Bảo	Hân	14/10/2010	6.75	7.25	7.25	21.25	
172	120172	008	Nguyễn Thị Bích	Hân	01/10/2010	3.75	7.75	3.25	14.75	
173	120173	008	Bùi Lê Gia	Hân	08/04/2010	6.5	6.75	5.25	18.50	
174	120174	008	Giã Gia	Hân	14/09/2010	7.5	6	4.75	18.25	
175	120175	008	Lâm Gia	Hân	06/06/2010	3.5	4	1.25	8.75	dân tộc Hoa
176	120176	008	Lê Nguyễn Gia	Hân	01/08/2010	7	6.5	4.25	17.75	
177	120177	008	Nguyễn Gia	Hân	16/04/2010	V	V	V	######	
178	120178	008	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	01/04/2010	8.25	7.5	4.75	20.50	
179	120179	008	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	15/08/2010	7.5	4.25	1.75	13.50	
180	120180	008	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	18/07/2010	3.5	3.25	3.5	10.25	
181	120181	008	Nguyễn Trần Gia	Hân	07/09/2010	6.25	5.25	5.5	17.00	
182	120182	008	Trần Gia	Hân	11/02/2010	7.25	6.75	6.5	20.50	
183	120183	008	Trần Kiều Gia	Hân	16/07/2010	9	7	8	24.00	
184	120184	008	Trần Huyền	Hân	06/07/2010	8	8	6.75	22.75	
185	120185	008	Nguyễn Trần Kim	Hân	25/12/2009	5.25	2	5.25	12.50	
186	120186	008	Đỗ Phú Mỹ	Hân	10/09/2010	6.25	7	5.25	18.50	
187	120187	008	Lê Võ Ngọc	Hân	18/11/2010	7	4.25	5.5	16.75	
188	120188	008	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	13/08/2010	5	6.75	4.75	16.50	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
189	120189	008	Trần Lê Ngọc	Hân	17/09/2010	7.25	5.25	5.25	17.75	
190	120190	008	Tôn Nữ Nguyên	Hân	14/09/2010	7	7	5.25	19.25	
191	120191	008	Hồ Trung	Hậu	22/07/2010	4.75	1.75	2.75	9.25	
192	120192	008	Đặng Thị Kim	Hiếu	16/01/2010	6.75	7.25	5.5	19.50	
193	120193	009	Nguyễn Vũ Minh	Hiếu	28/11/2010	7	7.5	4.25	18.75	
194	120194	009	Võ Trung	Hiếu	28/11/2009	6.75	6.25	4.25	17.25	
195	120195	009	Lê Nguyễn Diệu	Hiền	13/02/2010	7.5	6.75	4	18.25	
196	120196	009	Trần Thị Diệu	Hiền	07/06/2010	7.5	6.75	9.75	24.00	
197	120197	009	Nguyễn Nhật Phương	Hiền	14/08/2010	7.25	3.75	3.75	14.75	
198	120198	009	Nguyễn Trần Thanh	Hiền	26/01/2010	5.75	4	4	13.75	
199	120199	009	Đào Tuấn	Hiền	26/11/2010	8.25	7	6.5	21.75	
200	120200	009	Trần Như Cát	Hiệp	16/08/2010	5.5	8	7.5	21.00	
201	120201	009	Lê Thị Thu	Hoan	10/02/2010	5	4.75	3.5	13.25	
202	120202	009	Nguyễn Minh	Hoài	06/10/2010	7	5.5	4	16.50	
203	120203	009	Nguyễn Ngọc	Hoàn	25/10/2010	6.25	7	4.5	17.75	
204	120204	009	Lê Bảo	Hoàng	15/05/2010	6	3.75	3.75	13.50	
205	120205	009	Nguyễn Huy	Hoàng	21/07/2010	3.75	8.75	7.5	20.00	
206	120206	009	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	28/01/2010	4.5	7	7	18.50	
207	120207	009	Nguyễn Lê	Hoàng	30/09/2010	5	3.25	4.75	13.00	
208	120208	009	Lê Minh	Hoàng	06/10/2010	2.5	4.5	4.75	11.75	
209	120209	009	Nguyễn Minh	Hoàng	15/08/2010	6	7	6.75	19.75	
210	120210	009	Trần Vũ Minh	Hoàng	20/05/2010	5.75	6	8.25	20.00	
211	120211	009	Nguyễn Phi	Hoàng	27/04/2010	4	1	1.5	6.50	
212	120212	009	Đồng Thịnh	Hoàng	21/03/2010	6	5.5	4.5	16.00	
213	120213	009	Nguyễn Tiến	Hoàng	02/12/2010	7.25	8	8.5	23.75	
214	120214	009	Lê Viết	Hoàng	11/10/2010	4	5.5	4.5	14.00	
215	120215	009	Phạm Việt	Hoàng	13/06/2010	6.5	5.5	6	18.00	
216	120216	009	Trần Đức	Hòa	12/12/2010	5	5	6.5	16.50	
217	120217	010	Trần Võ Thu	Hòa	01/06/2010	7.5	9	7.75	24.25	
218	120218	010	Nguyễn Lê Ánh	Hồng	07/09/2010	4.75	3	4	11.75	
219	120219	010	Hồ Thị Bích	Huệ	01/09/2010	2.25	0.25	3	5.50	
220	120220	010	Phan Kim	Huệ	07/04/2010	6.25	3	3.75	13.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
221	120221	010	Phạm Thị Kim	Huệ	09/08/2010	6.5	7.5	6.5	20.50	
222	120222	010	Nguyễn Phúc An	Huy	06/04/2010	6.5	7.25	6.75	20.50	
223	120223	010	Lê Đăng	Huy	30/01/2010	7.25	7.75	5.5	20.50	mẹ dân tộc Hoa
224	120224	010	Trần Đình	Huy	20/05/2010	1	1.25	2	4.25	
225	120225	010	Nguyễn Gia	Huy	01/10/2010	6	6.25	4	16.25	
226	120226	010	Nguyễn Gia	Huy	22/12/2010	6	3.75	4	13.75	
227	120227	010	Quách Gia	Huy	30/11/2010	6.25	5	6.25	17.50	Dân tộc Mường
228	120228	010	Trần Gia	Huy	01/11/2010	2.75	2.5	2.25	7.50	
229	120229	010	Nguyễn Lê Khang	Huy	23/10/2010	6.75	4	4.5	15.25	
230	120230	010	Lê Ngọc	Huy	11/05/2010	4.25	3.5	3.5	11.25	
231	120231	010	Biện Nguyên	Huy	18/06/2010	6.75	6.5	5.75	19.00	
232	120232	010	Trần Nhật	Huy	21/01/2010	4	3.75	2.5	10.25	
233	120233	010	Nguyễn Võ Phước	Huy	20/06/2010	2.75	3.25	4.5	10.50	
234	120234	010	Nguyễn Quang	Huy	08/11/2010	3.5	3	3.75	10.25	
235	120235	010	Trần Quang	Huy	09/06/2010	6	7.5	7.5	21.00	
236	120236	010	Huỳnh Quốc	Huy	10/12/2010	6.5	5.75	4.5	16.75	
237	120237	010	Đào Khánh	Huyền	10/05/2010	9.25	8.25	8.5	26.00	
238	120238	010	Đặng Khánh	Huyền	28/10/2010	6.75	7	4.75	18.50	
239	120239	010	Lê Phan	Hùng	02/03/2010	5.25	8.75	5.25	19.25	
240	120240	010	Trần Quốc	Hùng	08/08/2010	5	8	7	20.00	
241	120241	011	Đinh Thế	Hùng	02/01/2010	6.5	8	6.25	20.75	
242	120242	011	Nguyễn Tuân	Hùng	07/07/2010	7.25	7.75	4.75	19.75	
243	120243	011	Nguyễn Viết	Hùng	06/03/2010	6	5.75	6.25	18.00	
244	120244	011	Đỗ Xuân	Hùng	11/09/2010	5.25	6.5	2.25	14.00	
245	120245	011	Nguyễn	Hưng	01/11/2010	5.5	9	1.5	16.00	
246	120246	011	Bùi Lê Gia	Hưng	04/01/2010	7.5	7.75	8.5	23.75	
247	120247	011	Đặng Gia	Hưng	01/01/2010	7.25	9	8.25	24.50	
248	120248	011	Phan Gia	Hưng	21/12/2010	6.75	6.25	6.5	19.50	
249	120249	011	Trần Ngọc Gia	Hưng	13/11/2010	V	V	V	######	
250	120250	011	Hà Hiếu	Hưng	24/08/2010	5	5.75	5.25	16.00	
251	120251	011	Đặng Khánh	Hưng	08/09/2010	7	7	2.75	16.75	
252	120252	011	Võ Quốc	Hưng	10/09/2010	5	4.25	3.75	13.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
253	120253	011	Lê Tấn	Hưng	20/07/2010	5.5	3.75	2.5	11.75	
254	120254	011	Nguyễn Thành	Hưng	03/07/2010	6	3.25	2	11.25	
255	120255	011	Nguyễn Vũ	Hưng	02/08/2010	4.5	2	1.75	8.25	
256	120256	011	Võ Trọng	Hữu	28/04/2010	8.25	4.75	3	16.00	
257	120257	011	Chiba	Khang	06/11/2010	6	5.25	6	17.25	
258	120258	011	Hồ Bảo	Khang	21/03/2010	5	5.75	5	15.75	
259	120259	011	Nguyễn Bảo	Khang	20/03/2010	6	5.75	5.75	17.50	
260	120260	011	Nguyễn Bảo	Khang	27/08/2010	7	8	8.25	23.25	
261	120261	011	Phùng Bảo	Khang	07/04/2010	6.75	6.5	5	18.25	
262	120262	011	Bùi Chí	Khang	18/09/2010	8.25	4.75	5.25	18.25	
263	120263	011	Nguyễn Chí	Khang	31/10/2010	5.75	6.75	4.75	17.25	
264	120264	011	Nguyễn Công	Khang	19/10/2010	5.75	7.5	5	18.25	Con thương binh
265	120265	012	Nguyễn Danh	Khang	28/09/2010	4.25	3	4.75	12.00	
266	120266	012	Trần Duy	Khang	13/11/2009	6.75	6.75	3.5	17.00	
267	120267	012	Hoàng Gia	Khang	28/12/2010	6	4.5	5.5	16.00	
268	120268	012	Nguyễn Lê Hoàng	Khang	31/01/2010	6.25	6	4.5	16.75	
269	120269	012	Nguyễn Minh	Khang	11/12/2010	3.75	4	2.5	10.25	
270	120270	012	Đặng Hoàng Nguyên	Khang	21/06/2010	7	7	6	20.00	
271	120271	012	Huỳnh Nguyên	Khang	26/09/2010	3.75	3	6.25	13.00	
272	120272	012	Trần Phúc	Khang	14/07/2010	6.75	8	5.75	20.50	
273	120273	012	Chung Quang	Khang	24/09/2010	4.75	8	4.5	17.25	
274	120274	012	Hồ Trần Thái	Khang	23/04/2010	7.25	7.5	1.75	16.50	
275	120275	012	Lê Thành	Khang	16/08/2010	5	8.25	6.75	20.00	
276	120276	012	Dương Thịnh	Khang	25/02/2010	5.75	7.75	6	19.50	
277	120277	012	Nguyễn Vĩnh	Khang	21/09/2010	6	7.25	7.25	20.50	
278	120278	012	Trương Vĩnh	Khang	22/09/2010	7.25	7.5	3.75	18.50	
279	120279	012	Nguyễn Đoàn Ngọc	Khanh	13/06/2010	3.5	2.25	3	8.75	
280	120280	012	Trần Tuấn	Khanh	28/02/2010	5	6.5	6	17.50	
281	120281	012	Phan Lê Tường	Khanh	13/05/2010	5.25	3.25	5	13.50	
282	120282	012	Trần Lê Bảo	Khánh	18/07/2010	4.25	4.25	3.75	12.25	
283	120283	012	Đàm Đăng	Khánh	20/11/2010	5.75	7	5.5	18.25	
284	120284	012	Nguyễn Huy	Khánh	19/04/2010	6.25	9	8.25	23.50	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
285	120285	012	Kiều Kim	Khánh	15/06/2010	7.25	7.5	8.75	23.50	
286	120286	012	Trương Minh	Khánh	11/02/2010	6.75	6	6.5	19.25	
287	120287	012	Nguyễn Nam	Khánh	27/04/2010	6.75	4.25	3.75	14.75	
288	120288	012	Nguyễn Quang	Khánh	23/03/2010	7.75	7	5.25	20.00	
289	120289	013	Lý Công	Khiêm	27/12/2010	1.75	2.25	2.5	6.50	
290	120290	013	Phạm Minh	Khiêm	12/08/2010	3.75	4.25	4	12.00	
291	120291	013	Huỳnh Anh	Khoa	03/08/2010	2.75	2	3.75	8.50	
292	120292	013	Nguyễn Anh	Khoa	01/11/2010	6.25	6.25	3.5	16.00	
293	120293	013	Đặng Nguyễn Đăng	Khoa	21/10/2010	5.25	5.75	7.5	18.50	
294	120294	013	Đoàn Đăng	Khoa	06/12/2010	5.25	6	5.5	16.75	
295	120295	013	Trần Đăng	Khoa	27/10/2010	5.75	7.5	7.5	20.75	
296	120296	013	Trương Minh	Khoa	11/02/2010	6	4	3.75	13.75	
297	120297	013	Nguyễn Quang	Khoa	03/12/2010	3	3.25	5.5	11.75	
298	120298	013	Võ Mạnh	Khởi	07/12/2010	5.75	2	5.25	13.00	
299	120299	013	Bùi Nhật Anh	Khôi	14/08/2010	4	2.25	4	10.25	
300	120300	013	Đỗ Anh	Khôi	04/10/2010	6.25	6.25	8	20.50	
301	120301	013	Mai Huỳnh Anh	Khôi	08/02/2010	6.5	8	5	19.50	
302	120302	013	Sơn Quốc Anh	Khôi	01/04/2010	1.5	1	2.25	4.75	
303	120303	013	Trần Duy	Khôi	07/05/2010	7.5	5.5	7	20.00	
304	120304	013	Nguyễn Lê Đăng	Khôi	09/10/2010	6.5	7.25	5.25	19.00	
305	120305	013	Lê Đức	Khôi	05/09/2010	7	4.75	5	16.75	
306	120306	013	Đinh Nguyễn Hoàng	Khôi	24/12/2010	6.25	5	4.25	15.50	
307	120307	013	Hồ Hoàng	Khôi	11/09/2010	4	3	2	9.00	
308	120308	013	Bùi Ngọc Minh	Khôi	20/12/2010	4	1	3.75	8.75	
309	120309	013	Lê Nguyên	Khôi	20/08/2010	7.25	8	7.75	23.00	
310	120310	013	Trần Đinh Nhật	Khôi	28/06/2010	6.25	6.25	2.75	15.25	
311	120311	013	Lê Thiện	Khôi	17/01/2010	7.75	6.75	8	22.50	
312	120312	013	Nguyễn Thọ	Khôi	01/09/2010	6.75	8.5	5.5	20.75	
313	120313	014	Nguyễn Lý Tuấn	Khôi	31/07/2010	6.75	7.75	5	19.50	
314	120314	014	Võ Trần Nam	Kiên	05/11/2009	5	4.25	6.25	15.50	
315	120315	014	Nguyễn Hà	Kiều	08/01/2010	7.5	6.5	4.75	18.75	
316	120316	014	Phạm Ngọc Minh	Kiều	21/11/2010	6.75	6.5	4.5	17.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
317	120317	014	Dín Anh	Kiệt	19/05/2009	6	7.5	2	15.50	
318	120318	014	Phan Anh	Kiệt	11/06/2010	7	4.75	5.75	17.50	
319	120319	014	Phạm Anh	Kiệt	11/08/2009	1	3.75	2.75	7.50	
320	120320	014	Nguyễn Quốc	Kiệt	01/04/2010	8	6	6	20.00	
321	120321	014	Phan Tuấn	Kiệt	19/02/2010	6.5	8	7.25	21.75	
322	120322	014	Nguyễn Trần Gia	Kỳ	02/07/2010	6.5	7.25	6.75	20.50	
323	120323	014	Ngô Nhã	Kỳ	25/04/2009	2.75	2.5	3.25	8.50	
324	120324	014	Tạ Kiều	Lam	23/06/2010	7.75	4.25	2.5	14.50	
325	120325	014	Phạm Thị Mi	Lan	04/08/2010	6.75	4	4.5	15.25	
326	120326	014	Lê Thị Hiền	Lành	01/12/2010	8	7.75	7	22.75	
327	120327	014	Nguyễn Hoàng Bảo	Lâm	28/02/2010	7.5	6.5	6	20.00	
328	120328	014	Tạ Gia	Lâm	09/08/2010	6.5	5.5	5	17.00	
329	120329	014	Trương Hoàng	Lâm	06/08/2010	5.5	7	7	19.50	
330	120330	014	Nguyễn Gia Nam	Lâm	26/04/2010	6.75	8.5	5.5	20.75	
331	120331	014	Lê Thiên	Lâm	29/12/2010	5.75	2	2.5	10.25	
332	120332	014	Trần Văn	Lâm	08/03/2010	7	6	8	21.00	
333	120333	014	Nguyễn Trương Bảo	Lân	21/01/2010	5.5	5	6	16.50	
334	120334	014	Phạm Hoàng	Lân	17/02/2010	6.5	6.5	4.25	17.25	
335	120335	014	Chu Thị Bảo	Linh	20/08/2010	7.5	3.25	2.75	13.50	
336	120336	014	Trương Diệp	Linh	05/10/2010	8.25	7	7	22.25	
337	120337	015	Đào Nguyễn Hà	Linh	19/08/2010	6.25	7.5	6	19.75	
338	120338	015	Nguyễn Ngọc Hà	Linh	15/01/2010	6.25	8	7	21.25	
339	120339	015	Ngô Hải	Linh	13/11/2010	8	7.5	7	22.50	
340	120340	015	Đỗ Hoàng	Linh	25/01/2010	6.75	6	4	16.75	
341	120341	015	Chiếng Khánh	Linh	28/06/2010	8.5	6.25	7.5	22.25	Dân tộc Hoa
342	120342	015	Hà Khánh	Linh	17/09/2010	5.75	6.5	3.75	16.00	Dân tộc Mường
343	120343	015	Nguyễn Khánh	Linh	15/11/2010	7.5	8.75	7.5	23.75	
344	120344	015	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	11/08/2010	6.75	2.5	6	15.25	
345	120345	015	Nguyễn Nhật Kiều	Linh	10/11/2010	3.75	1.25	2.5	7.50	
346	120346	015	Nguyễn Mỹ	Linh	14/12/2010	6.75	3.75	3.5	14.00	
347	120347	015	Nguyễn Ngọc	Linh	04/08/2010	7.5	9	5.75	22.25	
348	120348	015	Nguyễn Đặng Ngọc	Linh	10/12/2010	8	7	9.75	24.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
349	120349	015	Bùi Phong	Linh	28/10/2010	8	8.5	6.5	23.00	
350	120350	015	Bùi Hoàng Phương	Linh	14/01/2010	7.5	5.75	5	18.25	
351	120351	015	Đặng Phan Phương	Linh	07/10/2010	6.5	6.75	6	19.25	
352	120352	015	Mai Phương	Linh	28/11/2010	7.5	7.25	7.5	22.25	
353	120353	015	Nguyễn Thùy	Linh	05/05/2010	6.75	6.75	6.25	19.75	
354	120354	015	Nguyễn Hoàng Thùy	Linh	01/05/2010	8	5.25	5.5	18.75	
355	120355	015	Phan Võ Thùy	Linh	01/02/2009	7.5	6.5	5.25	19.25	
356	120356	015	Đoàn Trắc	Linh	12/02/2010	7	4	5	16.00	
357	120357	015	Nguyễn Đặng Trúc	Linh	10/12/2010	8	9	10	27.00	
358	120358	015	Nguyễn Ngọc Yến	Linh	11/08/2010	7	7	6.75	20.75	
359	120359	015	Trần Anh	Lộc	24/06/2010	7.75	8	5.75	21.50	
360	120360	015	Phạm Đức	Lộc	21/05/2010	4.5	5.25	4	13.75	
361	120361	016	Nguyễn Thành	Lộc	30/10/2010	5.5	5.25	4	14.75	
362	120362	016	Trần Thị Thanh	Loan	09/08/2010	6	7.25	6	19.25	
363	120363	016	Nguyễn Hứa Hoàng	Long	24/08/2010	6	7.25	3.75	17.00	
364	120364	016	Nguyễn Phạm Hoàng	Long	14/03/2010	5.75	7.5	4.25	17.50	
365	120365	016	Trần Hoàng	Long	12/11/2010	5	2.75	3.75	11.50	
366	120366	016	Trần Phi	Long	13/05/2010	6	3.5	6.5	16.00	
367	120367	016	Lý Tiêu	Long	08/07/2010	7.5	7.25	5	19.75	Dân tộc
368	120368	016	Đào Văn	Long	25/02/2010	6.75	7	7	20.75	
369	120369	016	Mai Hữu	Lợi	01/01/2010	4.25	1.75	4.5	10.50	
370	120370	016	Phan Nhật	Luân	21/01/2010	5.75	4.5	5	15.25	
371	120371	016	Nguyễn Vũ Tiến	Luật	29/12/2009	4.75	4.25	5.5	14.50	
372	120372	016	Lưu Trịnh Khánh	Ly	14/02/2010	6.5	3.25	3	12.75	
373	120373	016	Võ Thảo	Ly	24/02/2010	7.5	7.5	4	19.00	
374	120374	016	Nguyễn Hoàng Thiên	Lý	14/09/2010	8	8.25	8	24.25	
375	120375	016	Nguyễn Nhật	Mai	17/07/2010	7.5	8.5	5.25	21.25	
376	120376	016	Phan Thị Tuyết	Mai	13/12/2010	5.5	4.5	3	13.00	
377	120377	016	Đào Duy	Mạnh	13/07/2009	3.75	5	3.75	12.50	
378	120378	016	Nguyễn Lê Tuệ	Mẫn	04/06/2010	6.75	4	4.75	15.50	
379	120379	016	Trần Nguyễn Bảo	Minh	09/11/2010	2.5	6.25	6.25	15.00	
380	120380	016	Chu Bình	Minh	22/10/2010	7.25	5	4.5	16.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
381	120381	016	Châu Nguyễn Gia	Minh	28/08/2010	1.75	4.75	6.25	12.75	
382	120382	016	Lê Gia	Minh	28/07/2010	6.25	5.25	4.25	15.75	
383	120383	016	Lý Gia	Minh	18/01/2010	6.75	8.5	6	21.25	
384	120384	016	Nguyễn Gia	Minh	07/11/2010	7.25	9	7	23.25	
385	120385	017	Hoàng Hiếu	Minh	21/11/2010	4.25	7	6.25	17.50	
386	120386	017	Huỳnh Hiếu	Minh	26/12/2010	6	5.5	5.25	16.75	
387	120387	017	Ca Khải	Minh	24/06/2010	5.75	6.5	5.75	18.00	
389	120389	017	Thái Võ Nhật	Minh	28/08/2010	5.5	3	2	10.50	
390	120390	017	Lê Quang	Minh	04/10/2010	5.25	7.5	5.5	18.25	
391	120391	017	Trần Quang	Minh	29/12/2010	5.5	3.75	6.75	16.00	
393	120393	017	Phạm Thiên	Minh	05/10/2010	6.25	5.5	2.75	14.50	
394	120394	017	Nguyễn Võ Thiện	Minh	07/01/2010	7.75	7.75	7.75	23.25	
395	120395	017	Nguyễn Trọng	Minh	16/11/2010	7	7	7.25	21.25	
396	120396	017	Nguyễn Huỳnh Diễm	My	27/07/2010	7.25	7.75	6	21.00	
397	120397	017	Lê Nguyễn Hà	My	05/03/2010	7	6.5	4.25	17.75	
398	120398	017	Trần Hoàng Hải	My	16/02/2010	7.5	7.25	6	20.75	
399	120399	017	Trần Ngọc Hạ	My	24/12/2010	6.25	4.5	3	13.75	
400	120400	017	Trần Nhật	My	15/06/2010	5.75	3.5	1.75	11.00	
401	120401	017	Võ Thanh	My	15/01/2010	6.5	5.5	3.25	15.25	
402	120402	017	Hồ Trương Trà	My	21/04/2010	8.5	8	5.25	21.75	
403	120403	017	Ngô Thị Trà	My	03/01/2010	6	5.75	4.5	16.25	
404	120404	017	Nguyễn Trà	My	23/05/2010	6.75	7.75	4	18.50	
405	120405	017	Nguyễn Lê Trà	My	01/01/2010	1.5	2.75	4.25	8.50	
406	120406	017	Nguyễn Thanh Trà	My	06/07/2010	4.75	3.25	7.25	15.25	
407	120407	017	Nguyễn Thị Trà	My	06/07/2010	8	8	4.5	20.50	
408	120408	017	Nguyễn Hạ Trúc	My	08/02/2010	4	5	3.5	12.50	
409	120409	018	Võ Thị Tuyết	My	26/10/2010	6.25	3.25	3	12.50	
410	120410	018	Phan Trần Uyển	My	11/12/2010	7	5.75	7.75	20.50	
411	120411	018	Lương Kiều Ái	Mỹ	01/05/2010	5	3.5	5	13.50	
412	120412	018	Lê Ngọc	Mỹ	28/08/2010	7	6.75	2.5	16.25	
413	120413	018	Phạm Bảo	Nam	16/01/2010	6.25	5.75	4.25	16.25	
414	120414	018	Nguyễn Đình	Nam	19/07/2010	6	4.75	3.25	14.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
415	120415	018	Nguyễn Hoài	Nam	08/03/2010	7	8	8.5	23.50	
416	120416	018	Đoàn Hoàng	Nam	20/02/2010	6	4.5	6.75	17.25	
417	120417	018	Phạm Khánh	Nam	18/07/2010	7.25	7.75	7	22.00	
418	120418	018	Nguyễn Khải	Nam	30/03/2010	5.75	7	6	18.75	
419	120419	018	Bùi Phương	Nam	11/01/2010	7	4.75	4	15.75	
420	120420	018	Lê Quốc	Nam	17/01/2010	5.75	5	8.5	19.25	
421	120421	018	Vũ Thảo	Nam	30/12/2010	6.75	6.75	6.25	19.75	
422	120422	018	Trần Tiến	Nam	02/04/2010	8.5	7.75	7	23.25	
423	120423	018	Võ Thúy Kiều	Nga	03/03/2010	5.25	3.75	5.25	14.25	
424	120424	018	Đặng Thị Ngọc	Nga	29/01/2010	7.25	6.75	7.25	21.25	
425	120425	018	Phan Nguyễn Thanh	Nga	15/06/2010	7.25	5.25	3.75	16.25	
426	120426	018	Nguyễn Thúy	Nga	11/03/2010	7	2	2.5	11.50	
427	120427	018	Ngô Bích	Ngân	14/07/2010	6.75	7.75	4.5	19.00	
428	120428	018	Trần Võ Hoàng	Ngân	27/01/2010	4.5	6.25	4.75	15.50	
429	120429	018	Võ Hoàng	Ngân	03/08/2010	6.25	5	2.75	14.00	
430	120430	018	Hồ Khánh	Ngân	17/05/2010	7.25	7.75	6	21.00	
431	120431	018	Lê Trần Khánh	Ngân	06/12/2010	6	7	4	17.00	
432	120432	018	Lương Khánh	Ngân	10/05/2010	8.25	9	8.75	26.00	
433	120433	019	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	13/11/2010	6.75	5.25	5	17.00	
434	120434	019	Trần Khánh	Ngân	04/10/2010	6	6.5	4.25	16.75	
435	120435	019	Hoàng Kim	Ngân	26/04/2010	5.5	6.25	3.75	15.50	
436	120436	019	Kỳ Ngọc Kim	Ngân	15/07/2010	4.5	5.75	2.5	12.75	
437	120437	019	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	08/09/2010	6.25	7.25	5	18.50	
438	120438	019	Trương Lê Kim	Ngân	14/12/2010	6	7.75	3	16.75	
439	120439	019	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	31/10/2010	5.5	6	3.5	15.00	
440	120440	019	Trần Vũ Thanh	Ngân	19/03/2010	3.5	3.25	4	10.75	
441	120441	019	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	14/03/2010	7	7	5.5	19.50	
442	120442	019	Nguyễn Đoàn Trúc	Ngân	16/05/2010	7.25	8.75	9.25	25.25	
443	120443	019	Nguyễn Hạ Trúc	Ngân	12/04/2010	8.5	8	8.5	25.00	
444	120444	019	Đỗ Đông	Nghi	16/09/2010	8.25	4.5	1.75	14.50	
445	120445	019	Đỗ Hải Đông	Nghi	18/04/2010	6.25	4	3.25	13.50	
446	120446	019	Phùng Đông	Nghi	22/10/2010	6.75	6	3	15.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
447	120447	019	Mai Gia	Nghi	19/10/2010	8	6.75	6.25	21.00	
449	120449	019	Võ Gia	Nghi	15/12/2010	6.75	5.5	5	17.25	
450	120450	019	Nguyễn Thị Phương	Nghi	04/04/2010	9	6.5	5.25	20.75	
451	120451	019	Nguyễn Thị Thảo	Nghi	09/06/2010	6.75	8	5.5	20.25	
452	120452	019	Nguyễn Tuân	Nghi	05/07/2010	7.75	8	8	23.75	
454	120454	019	Nguyễn Trần Xuân	Nghi	08/06/2010	6	7.25	7.25	20.50	
455	120455	019	Lê Thị Yến	Nghi	06/09/2010	4.75	3.75	3.75	12.25	
456	120456	019	Phan Tấn	Nghiêm	30/09/2010	6	4.75	3.5	14.25	
457	120457	020	Không Gia	Nghĩa	15/01/2010	6	3.25	4	13.25	
458	120458	020	Trần Hữu	Nghĩa	29/09/2010	6.25	7.5	5	18.75	
459	120459	020	Nguyễn Thị Ái	Ngọc	05/01/2010	6.75	6	6	18.75	
460	120460	020	Hoàng Nguyễn Bảo	Ngọc	06/05/2010	8	7.75	5.25	21.00	
461	120461	020	Lê Đoàn Bảo	Ngọc	21/08/2010	7.25	3.75	6	17.00	
462	120462	020	Nguyễn Bảo	Ngọc	18/10/2010	7	5	6.75	18.75	
463	120463	020	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	06/08/2010	7.5	6.75	6.5	20.75	
464	120464	020	Nguyễn Thúy Bảo	Ngọc	10/12/2010	6	3.25	2.5	11.75	
465	120465	020	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	23/10/2010	8.25	7.5	7	22.75	
466	120466	020	Hà Khánh	Ngọc	20/06/2010	7.25	7.75	5	20.00	
467	120467	020	Lê Hoàng Khánh	Ngọc	18/05/2010	4.25	3	3	10.25	
468	120468	020	Nguyễn Khánh	Ngọc	20/06/2010	7.25	6.5	5	18.75	
469	120469	020	Phạm Khánh	Ngọc	03/04/2010	7	7.75	4	18.75	
470	120470	020	Thân Nguyễn Khánh	Ngọc	04/07/2010	8	6.75	7.25	22.00	
471	120471	020	Đặng Thị Kim	Ngọc	03/08/2010	7.25	6	4.25	17.50	
472	120472	020	Đặng Mỹ	Ngọc	28/11/2010	7	7.75	6	20.75	
473	120473	020	Lê Hoàng Trúc	Ngọc	05/02/2010	7.75	6	8.5	22.25	
474	120474	020	Bạch Bội	Nguyên	11/05/2010	7.5	7.25	6.75	21.50	
475	120475	020	Hoàng Dương Đình	Nguyên	11/11/2010	6.75	7.25	6.25	20.25	
476	120476	020	Võ Hoài	Nguyên	13/11/2010	1.5	3.25	5.25	10.00	
477	120477	020	Nguyễn Huỳnh	Nguyên	17/01/2010	8	6.75	6.5	21.25	
478	120478	020	Lê Võ Khôi	Nguyên	24/05/2010	6.5	7.75	6.75	21.00	
479	120479	020	Võ Đồng Lâm	Nguyên	07/11/2010	7.75	4	6.5	18.25	
480	120480	020	Nguyễn Lê	Nguyên	19/11/2010	5.75	5.5	5.75	17.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
481	120481	021	Trần Minh	Nguyên	16/10/2010	2.75	1.75	2.25	6.75	
482	120482	021	Nguyễn Hoàng Nhật	Nguyên	17/04/2010	7.5	6.25	8.5	22.25	
483	120483	021	Lương Quốc Phúc	Nguyên	10/01/2010	5.75	4	5.25	15.00	
484	120484	021	Nguyễn Phúc	Nguyên	06/07/2010	5.5	5.25	3.25	14.00	
485	120485	021	Nguyễn Trần Phúc	Nguyên	08/12/2010	7.25	7.25	6	20.50	
486	120486	021	Lê Phương	Nguyên	07/11/2010	3.75	5.75	6.5	16.00	
487	120487	021	Hoàng Thanh	Nguyên	02/02/2010	4.75	7	5	16.75	
488	120488	021	Nguyễn Trương Thành	Nguyên	15/03/2010	7.75	7.25	7.5	22.50	
489	120489	021	Võ Trí	Nguyên	24/04/2010	7	4.75	4.25	16.00	
490	120490	021	Trần Quang Vũ	Nguyên	08/01/2010	5.5	4.5	7.5	17.50	
491	120491	021	Nguyễn Thanh	Nhàn	21/06/2010	5.5	7.75	5.25	18.50	
492	120492	021	Nguyễn Lê Khánh	Nhã	06/11/2010	7.5	8	4	19.50	
493	120493	021	Trịnh Tiểu	Nhã	04/04/2010	8.25	6.25	8	22.50	
494	120494	021	Nguyễn Văn	Nhã	18/02/2010	6.25	5.75	5.75	17.75	
495	120495	021	Nguyễn Huỳnh Minh	Nhân	19/07/2010	6.5	7.25	5	18.75	
496	120496	021	Đỗ Thành	Nhân	08/12/2010	6	6.75	4.5	17.25	
497	120497	021	Nguyễn Thành	Nhân	05/02/2010	6	6.5	5.5	18.00	
498	120498	021	Nguyễn Thiện	Nhân	27/06/2010	5.75	5.25	5.5	16.50	
499	120499	021	Trần Thiện	Nhân	30/04/2010	5.25	2.5	3.75	11.50	
500	120500	021	Lê Hữu Trọng	Nhân	17/05/2010	4.5	2	3.25	9.75	
501	120501	021	Lê Văn	Nhân	02/11/2009	6	4.5	3.75	14.25	
502	120502	021	Trần Lê Anh	Nhật	28/08/2010	5.5	3.5	4	13.00	
503	120503	021	Hồ Lê Minh	Nhật	10/12/2010	7	5	7.75	19.75	
504	120504	021	Nguyễn Quốc Minh	Nhật	23/01/2010	7.5	8.25	5.25	21.00	
505	120505	022	Trần Minh	Nhật	22/04/2010	6.75	7.75	7	21.50	
506	120506	022	Nguyễn Lê Mỹ	Nhật	17/02/2010	6.25	5.5	4	15.75	
507	120507	022	Lê Ngọc Bảo	Nhi	19/10/2010	2.5	5.75	3	11.25	
508	120508	022	Phan Trần Huyền	Nhi	25/05/2010	4	5.5	8.5	18.00	
509	120509	022	Lê Thị Linh	Nhi	26/12/2010	6	5	3.5	14.50	
510	120510	022	Nguyễn Quỳnh	Nhi	06/02/2010	7.5	3.5	2	13.00	
511	120511	022	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	20/06/2010	6.5	5.5	7	19.00	
512	120512	022	Đinh Thị Thanh	Nhi	20/08/2009	7.25	6.25	4	17.50	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
513	120513	022	Nguyễn Minh Thanh	Nhi	09/12/2010	5.5	5.5	2.75	13.75	
514	120514	022	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	22/07/2010	6.5	4.75	4.75	16.00	
515	120515	022	Trần Thảo Tuyết	Nhi	02/02/2010	2.5	1.25	2.25	6.00	
516	120516	022	Đặng Nguyễn Uyển	Nhi	08/04/2010	5.75	6.25	6	18.00	
517	120517	022	Bùi Yến	Nhi	23/11/2010	6.75	6.5	7	20.25	
518	120518	022	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	09/11/2010	8	9	7	24.00	
519	120519	022	Lê Hoàng Yến	Nhi	13/06/2010	6.5	4	7.25	17.75	
520	120520	022	Trần Yến	Nhi	06/12/2010	6.25	6.25	4	16.50	
521	120521	022	Ngô Hồng An	Nhiên	31/08/2010	7.5	8	7.25	22.75	
522	120522	022	Nguyễn Hạo	Nhiên	04/10/2010	8.5	8	6.5	23.00	
524	120524	022	Trần Phúc Kim	Nhung	13/03/2010	7.75	6.5	5.25	19.50	
525	120525	022	Nguyễn Tuyết	Nhung	03/11/2010	8.75	7.5	6.25	22.50	
526	120526	022	Nguyễn Lưu Tuyết	Nhung	19/11/2010	7.25	7.5	4.75	19.50	
527	120527	022	Tôn Thị Tuyết	Nhung	15/12/2010	4	4	4.25	12.25	
528	120528	022	Nguyễn Phạm Gia	Như	23/04/2010	9	9	7	25.00	
529	120529	023	Nguyễn Phúc Hoàng	Như	21/10/2010	6.25	7.25	7.75	21.25	
530	120530	023	Phan Huỳnh	Như	10/06/2010	5.5	4.75	3.75	14.00	
531	120531	023	Trần Khánh	Như	16/10/2010	8	4.75	6.25	19.00	
532	120532	023	Võ Lê Kiều	Như	08/05/2010	7.75	5.5	2.75	16.00	
533	120533	023	Huỳnh Đỗ Ngọc	Như	23/07/2010	8.25	6	4.5	18.75	
534	120534	023	Nguyễn Đặng Quỳnh	Như	17/09/2010	6	6.75	4.25	17.00	
535	120535	023	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	23/02/2010	5	3.5	4	12.50	
536	120536	023	Phạm Trịnh Quỳnh	Như	06/01/2010	6	5	3	14.00	
537	120537	023	Lê Tâm	Như	31/03/2010	6.75	4.75	5.25	16.75	
538	120538	023	Phạm Hồ Thanh	Như	21/02/2010	5	4.25	2.75	12.00	
539	120539	023	Trần Yến	Như	08/01/2010	5.25	5	3.5	13.75	
540	120540	023	Phan Minh	Nhựt	19/11/2010	4.75	2.25	2.5	9.50	
541	120541	023	Nguyễn Mỹ	Nhựt	03/01/2010	5.25	5.75	5	16.00	
542	120542	023	Lê Thị Kim	Oanh	30/07/2010	6	5.5	4.75	16.25	
543	120543	023	Võ Hoàng Kim	Oanh	23/08/2010	6.5	6.5	3.75	16.75	
544	120544	023	Nguyễn Ngọc Vy	Oanh	10/09/2010	6	6.25	4.75	17.00	
545	120545	023	Huỳnh Anh	Pháp	19/12/2010	3	4.25	3.5	10.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
546	120546	023	Lưu Đức	Phát	14/01/2010	7.5	7	7.25	21.75	
547	120547	023	Phạm Mạnh	Phát	04/01/2010	5.25	5.5	3.75	14.50	
548	120548	023	Phạm Ngọc	Phát	15/02/2010	7	6	4	17.00	
549	120549	023	Trần Tân	Phát	18/04/2010	4.5	4.75	4	13.25	
550	120550	023	Trương Thành	Phát	22/06/2010	1.25	2.5	2.25	6.00	
551	120551	023	Đinh Diệp	Phi	05/01/2010	7.5	4.25	4	15.75	Dân tộc
552	120552	023	Nguyễn Đình	Phong	01/02/2010	7.75	9	9.25	26.00	
553	120553	024	Võ Đình	Phong	20/04/2010	5.25	4.5	4	13.75	
554	120554	024	Ngô Nguyễn Hoàng	Phong	02/10/2010	5	3.75	2.5	11.25	
555	120555	024	Phạm Hữu	Phong	25/06/2010	4	3.75	3.25	11.00	
556	120556	024	Hoàng Nguyễn Nhật	Phong	17/02/2010	7	2.75	5.75	15.50	
557	120557	024	Huỳnh Quốc	Phong	17/12/2010	7	6.25	3.75	17.00	
558	120558	024	Thái Trần Thanh	Phong	06/09/2010	7.25	7.75	7	22.00	
559	120559	024	Tô Thanh	Phong	05/12/2010	4.5	6.25	3.75	14.50	
560	120560	024	Phạm Thành	Phong	12/12/2010	8.25	7.5	5.75	21.50	
561	120561	024	Nguyễn Tuấn Vân	Phong	09/09/2010	8	8	7.75	23.75	
562	120562	024	Nguyễn Trần An	Phú	01/11/2010	5.75	5.75	6.25	17.75	
563	120563	024	Hoàng Đăng	Phú	27/12/2010	4.75	5.25	6	16.00	
564	120564	024	Nguyễn Đức	Phú	16/01/2010	5.25	6.25	6.25	17.75	
565	120565	024	Lê Thiên	Phú	05/01/2010	3	4.25	5	12.25	
566	120566	024	Dương Hoàng Bảo	Phúc	07/02/2010	7.25	5	5.5	17.75	
567	120567	024	Nguyễn Hoàng Duy	Phúc	01/11/2010	5.75	6	6.5	18.25	
568	120568	024	Dương Nguyễn Hoàng	Phúc	02/04/2010	6.5	7.75	7.75	22.00	
569	120569	024	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/07/2010	8	6.25	6.75	21.00	
570	120570	024	Phạm Hoàng	Phúc	04/03/2010	7	4.75	4.5	16.25	
571	120571	024	Nguyễn Hồng	Phúc	28/01/2010	6.25	5.75	3.75	15.75	
572	120572	024	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	24/05/2010	7.75	6.75	6	20.50	
573	120573	024	Nguyễn Hữu	Phúc	26/12/2010	5.5	8	3.75	17.25	
574	120574	024	Lê Quang	Phúc	14/12/2009	6	5.75	3.25	15.00	
575	120575	024	Nguyễn Huỳnh Thiên	Phúc	01/04/2010	6.5	7.25	4.5	18.25	
576	120576	024	Trần Thiên	Phúc	17/08/2010	7.75	7.25	7	22.00	
577	120577	025	Lê Thiện	Phúc	11/05/2009	4.25	7.25	5.5	17.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
578	120578	025	Nguyễn Lê Trọng	Phúc	30/05/2010	6.5	7	4	17.50	
579	120579	025	Lê Trần Ngọc	Phụng	21/11/2010	4.25	5.25	3.75	13.25	
580	120580	025	Võ Trần Ngọc	Phụng	26/03/2010	6.25	5.5	1.5	13.25	
581	120581	025	Phạm Ngọc Cát	Phương	16/01/2010	8	2.25	2	12.25	
582	120582	025	Trần Nguyễn Diệu	Phương	13/01/2010	5.5	5.5	6.5	17.50	
583	120583	025	Quản Thị Hà	Phương	05/11/2010	7.25	8.5	5.75	21.50	
584	120584	025	Lâm Thanh Hậu	Phương	23/04/2010	7	7.75	7.25	22.00	
585	120585	025	Trần Hưng	Phương	29/03/2009	2.25	1	3	6.25	
586	120586	025	Huỳnh Kỳ	Phương	20/01/2010	4.5	5.75	3.5	13.75	
587	120587	025	Phạm Mai	Phương	24/07/2010	8.5	9	8.5	26.00	
588	120588	025	Trần Nguyễn Minh	Phương	03/09/2010	8.5	8.25	7	23.75	
589	120589	025	Trần Thanh	Phương	23/04/2010	7.75	5.5	5.25	18.50	
590	120590	025	Nguyễn Đặng Minh	Phước	15/06/2010	6.75	8	7.25	22.00	
591	120591	025	Nguyễn Thiên	Phước	26/07/2010	6	6.25	5.75	18.00	
592	120592	025	Vũ Trọng	Phước	25/05/2010	5.5	6.25	2.75	14.50	
593	120593	025	Lê Thị Bích	Phượng	27/07/2010	7.25	8.75	7	23.00	
594	120594	025	Phạm Hoàng	Quang	01/06/2010	6.25	8.25	8.25	22.75	
595	120595	025	Huỳnh Thị Kim	Quàng	16/09/2010	8	8	8	24.00	
596	120596	025	Lê Đình	Quân	12/05/2010	7.5	5.5	5.5	18.50	
597	120597	025	Ngô Hoàng	Quân	08/09/2010	8	3	8	19.00	
598	120598	025	Chu Minh	Quân	18/10/2010	6.5	7.25	6.5	20.25	
599	120599	025	Đặng Ngô Minh	Quân	08/06/2010	5.25	4.75	2.5	12.50	
600	120600	025	Đỗ Minh	Quân	19/11/2010	7.5	6	4	17.50	
601	120601	026	Nguyễn Việt	Quân	18/12/2010	4.25	4.5	4	12.75	
602	120602	026	Trần Hưng	Quốc	28/02/2009	7.25	5.75	3	16.00	
603	120603	026	Nguyễn Bảo	Quyên	04/04/2010	6.25	5	6.25	17.50	
604	120604	026	Nguyễn Ngọc Bảo	Quyên	24/08/2010	7.25	4.5	3.75	15.50	
605	120605	026	Phan Thùy Lệ	Quyên	20/12/2010	4	4	3	11.00	
606	120606	026	Trần Nguyễn Thúy	Quyên	02/08/2010	6.5	5.5	5.25	17.25	
607	120607	026	Nguyễn Thục	Quyên	16/07/2010	7.75	7	5.25	20.00	
608	120608	026	Lê Quỳnh Tú	Quyên	30/10/2010	5	7	3.5	15.50	
609	120609	026	Ngô Tú	Quyên	25/03/2010	8.5	7	7.25	22.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
610	120610	026	Phạm Trần Tú	Quyên	10/12/2010	6.5	3.5	2.5	12.50	
611	120611	026	Hà Ngọc	Quý	21/12/2010	7.5	6	3.25	16.75	
612	120612	026	Lê Ngọc	Quý	23/05/2009	5.5	4	3.25	12.75	
613	120613	026	Nguyễn Phan Thị Như	Quý	11/07/2010	3.75	3.75	4.25	11.75	
614	120614	026	Trần Phong	Quý	26/08/2009	7	3	4.75	14.75	
615	120615	026	Nguyễn Trương Văn	Quý	09/02/2010	8.25	7.25	4.5	20.00	
616	120616	026	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	03/10/2010	8	3.25	4.75	16.00	
617	120617	026	Đinh Hải	Quỳnh	17/05/2010	8.25	8	7.25	23.50	
618	120618	026	Trần Phạm Nhật	Quỳnh	13/12/2010	7.25	7.25	6.25	20.75	
619	120619	026	Lê Phan Như	Quỳnh	15/10/2010	6.75	6.5	4.75	18.00	
620	120620	026	Đào Thúy	Quỳnh	18/07/2010	7.25	8	6.5	21.75	
621	120621	026	Lê Trúc	Quỳnh	31/07/2010	5.25	3.25	4.5	13.00	
622	120622	026	Lê Thị Trúc	Quỳnh	13/02/2010	5.75	6.75	5.75	18.25	
623	120623	026	Nguyễn Sang	Sang	01/03/2010	6.5	7	5.5	19.00	
624	120624	026	Bùi Tấn	Sang	12/08/2010	7.5	7.75	7	22.25	
625	120625	027	Hồ Thanh	Sang	19/09/2010	2.75	3.75	2.5	9.00	
626	120626	027	Võ Văn	Sáng	24/05/2010	6	6.5	3.25	15.75	
627	120627	027	Phạm Văn Anh	Sơn	26/05/2010	5.75	5.75	3.75	15.25	
628	120628	027	Nguyễn Thái	Sơn	29/05/2010	5	3.5	4.25	12.75	
629	120629	027	Đặng Anh	Tài	30/04/2010	5	7.5	6	18.50	
630	120630	027	Nguyễn Đức	Tài	16/03/2010	5	5.5	4.5	15.00	
631	120631	027	Nguyễn Hữu	Tài	08/04/2010	7.25	7.75	3.25	18.25	
632	120632	027	Bùi Lê	Tài	04/07/2010	7.25	8.75	7.25	23.25	
633	120633	027	Bùi Võ Thành	Tài	27/04/2009	7.5	6.75	3.75	18.00	
634	120634	027	Lê Khánh	Tâm	22/10/2010	5	5.25	4.25	14.50	
635	120635	027	Huỳnh Mạnh	Tâm	01/01/2010	7.75	6.75	6.5	21.00	
636	120636	027	Phạm Phước	Tâm	02/03/2010	5.5	4	3.75	13.25	
637	120637	027	Phạm Thanh	Tâm	28/08/2010	7.5	7	6	20.50	
638	120638	027	Nguyễn Duy	Tân	28/02/2010	3.75	0.25	2.75	6.75	
639	120639	027	Nguyễn Hoàng	Tân	04/11/2010	5.75	7	6	18.75	
640	120640	027	Nguyễn Nhật	Tân	11/07/2010	7	6.75	5	18.75	
641	120641	027	Lê Đình	Thanh	13/01/2010	7.5	7.25	8	22.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
642	120642	027	Nguyễn Đình	Thao	14/01/2010	4.5	3.25	3.5	11.25	
643	120643	027	Nguyễn Ngọc	Thái	04/09/2010	7	8.25	5.25	20.50	
644	120644	027	Huỳnh Nguyễn Đức	Thành	03/09/2010	6	6.25	5	17.25	dân tộc Hoa
645	120645	027	Nguyễn Phú	Thành	20/06/2010	7.25	7	8.25	22.50	
646	120646	027	Phạm Phúc	Thành	02/12/2010	7.5	5	6.75	19.25	
647	120647	027	Châu Phước	Thành	10/04/2010	8	5.5	7.25	20.75	
648	120648	027	Lô Tiến	Thành	09/08/2010	8.75	7.5	8.5	24.75	
649	120649	028	Hồ Ngọc	Thảo	27/12/2010	2.75	1.5	2.25	6.50	
650	120650	028	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	10/08/2010	3.5	4.25	4.25	12.00	
651	120651	028	Đoàn Thụy Thanh	Thảo	10/03/2010	6.75	2.75	5.5	15.00	
652	120652	028	Ngô Thanh	Thảo	05/01/2010	6.25	2.75	4	13.00	
653	120653	028	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/12/2009	2.5	5.25	3.5	11.25	
654	120654	028	Phạm Mai Thanh	Thảo	25/01/2010	8.25	6.25	4.75	19.25	
655	120655	028	Trần Thanh	Thảo	01/10/2010	4.75	4.75	7.5	17.00	dân tộc Hoa
656	120656	028	Trần Thị	Thảo	07/06/2010	3	3.5	2.75	9.25	
657	120657	028	Nguyễn Thu	Thảo	18/01/2010	7.75	7	7.25	22.00	
658	120658	028	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/03/2010	2.75	3.5	3.25	9.50	
659	120659	028	Trần Thanh Thu	Thảo	31/10/2010	7	7.5	7.75	22.25	
660	120660	028	Nguyễn Minh	Thắng	05/10/2010	6.5	3.25	6.75	16.50	
661	120661	028	Lưu Vinh	Thân	17/09/2010	6.5	5	5.5	17.00	
662	120662	028	Hồ Ngọc Bảo	Thi	22/02/2010	6	6	3	15.00	
663	120663	028	Huỳnh Ka	Thi	20/02/2010	6.25	5.25	1.25	12.75	
664	120664	028	Huỳnh Nguyễn Hữu	Thiên	01/12/2010	5.5	6.5	6.75	18.75	
665	120665	028	Võ Quốc	Thiên	18/06/2010	2.5	2.5	3.75	8.75	
666	120666	028	Nguyễn Trần Chí	Thiện	23/05/2010	2.5	1.75	5	9.25	
667	120667	028	Trần Minh	Thiện	26/03/2010	6	6.5	4.5	17.00	
668	120668	028	Nguyễn Ngọc	Thiện	29/06/2010	6.75	5.75	4.25	16.75	
669	120669	028	Nguyễn Hoàng Ngọc	Thiện	23/05/2010	3.5	1.75	2	7.25	
670	120670	028	Nguyễn Phúc	Thiện	07/08/2010	5	3	5.5	13.50	
671	120671	028	Phạm Thị Thanh	Thì	30/07/2010	5.25	4	2.75	12.00	
672	120672	028	Lê Nguyễn Đức	Thịnh	01/03/2010	5	0	2.75	7.75	
673	120673	029	Nguyễn Đức	Thịnh	02/12/2010	6.92	5.5	5.75	18.17	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
674	120674	029	Nguyễn Hải	Thịnh	25/10/2010	5.25	5	7.25	17.50	
675	120675	029	Nguyễn Phúc	Thịnh	09/03/2010	5.5	1.25	1.5	8.25	
676	120676	029	Nguyễn Phước	Thịnh	07/10/2010	7.5	8	9	24.50	
677	120677	029	Nguyễn Phước	Thịnh	29/11/2010	6.5	7.75	6.25	20.50	
678	120678	029	Hô Quang	Thịnh	03/12/2009	7.5	5.5	7.5	20.50	
679	120679	029	Nguyễn Thái	Thịnh	27/02/2010	6.25	6.75	4.5	17.50	
680	120680	029	Hoàng Minh	Thoại	10/08/2010	5	3.25	4.25	12.50	
681	120681	029	Huỳnh Kim	Thơ	16/08/2010	8	7	7.25	22.25	
682	120682	029	Nguyễn Thị Kim	Thơ	15/02/2010	4.25	3	3.5	10.75	
683	120683	029	Nguyễn Minh	Thông	27/10/2010	6	6	5.5	17.50	
684	120684	029	Lê Trung	Thông	14/09/2010	4.5	5.25	2.25	12.00	
685	120685	029	Nguyễn Minh	Thu	25/10/2010	7.25	9	6	22.25	
686	120686	029	Phan Việt	Thuần	23/07/2010	6.5	3.5	4	14.00	
687	120687	029	Phạm Chí Thiên	Thuận	24/06/2010	4.5	7.25	5.75	17.50	
688	120688	029	Nguyễn Phương	Thuỳ	14/11/2010	7	6.25	4	17.25	
689	120689	029	Bùi Thị Phương	Thúy	01/07/2010	7.5	6.75	6	20.25	
690	120690	029	Mai Phương	Thúy	11/10/2010	5.25	2.75	5.5	13.50	
691	120691	029	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	23/03/2010	4.5	0.5	4.5	9.50	
692	120692	029	Lê Thị Thu	Thúy	06/11/2010	6.25	3.75	2.5	12.50	
693	120693	029	Trần Thị Thanh	Thùy	10/11/2010	6.5	7	5.5	19.00	
694	120694	029	Phùng Nguyễn An	Thư	26/11/2010	8	6.5	7.75	22.25	
695	120695	029	Bùi Trần Anh	Thư	02/06/2010	7.5	8.25	6.5	22.25	
697	120697	030	Lê Nguyễn Anh	Thư	03/04/2010	5	3.5	6	14.50	
698	120698	030	Nguyễn Anh	Thư	06/10/2010	7.5	7.5	4.75	19.75	
699	120699	030	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	10/09/2010	5.25	3.25	3.5	12.00	
700	120700	030	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	03/12/2010	8	5.75	3	16.75	
701	120701	030	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	19/01/2010	5.25	4.5	4.25	14.00	
702	120702	030	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/12/2010	5	2.75	2.5	10.25	
703	120703	030	Phan Lê Anh	Thư	01/09/2010	5.5	1.75	1.75	9.00	
704	120704	030	Phan Thị Anh	Thư	12/01/2010	6	7.25	5	18.25	
705	120705	030	Lê Ngọc Bảo	Thư	03/04/2010	7.75	5.25	7	20.00	
706	120706	030	Lê Thị Kim	Thư	04/04/2010	6.5	5	3	14.50	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
707	120707	030	Lại Hoàng Minh	Thư	01/02/2010	7	4.5	3.75	15.25	
708	120708	030	Phạm Minh	Thư	07/03/2010	6.75	7.75	4.5	19.00	
709	120709	030	Phạm Hoàng Minh	Thư	29/10/2010	8.25	6.75	6	21.00	
710	120710	030	Phạm Ngọc Minh	Thư	11/10/2010	5.5	3.5	2.5	11.50	
711	120711	030	Lê Ngọc Quỳnh	Thư	24/04/2010	7.5	6.75	4.75	19.00	
712	120712	030	Lâm Thị Thanh	Thư	17/04/2010	6.25	6	8.75	21.00	
713	120713	030	Nguyễn Thanh	Thư	15/07/2010	6.25	0.5	1.5	8.25	
714	120714	030	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	01/05/2009	6.5	5.75	4.25	16.50	
715	120715	030	Võ Thị	Thương	26/02/2010	2	0.5	3.5	6.00	
716	120716	030	Bùi Mai Anh	Thưởng	14/06/2009	5.75	3.25	2.25	11.25	
717	120717	030	Lê Khánh	Thy	01/06/2010	7.25	7.75	7.25	22.25	
718	120718	030	Nguyễn Phương	Thy	03/04/2010	4.25	3.75	2.75	10.75	
719	120719	030	Trần Anh	Tiên	23/02/2010	5.75	3.25	2.25	11.25	
720	120720	030	Ngô Thị Như	Tiên	09/07/2010	7.5	2.75	1.75	12.00	
721	120721	031	Hà Huỳnh Thủy	Tiên	15/02/2010	7.5	6.75	7.25	21.50	
722	120722	031	Hoàng Ngọc Thủy	Tiên	28/09/2010	6.75	6.25	6.75	19.75	
724	120724	031	Trần Anh	Tiến	08/08/2010	1.75	6.75	3.25	11.75	
725	120725	031	Ngô Đình	Tiến	12/08/2010	6.75	7	4.5	18.25	
726	120726	031	Phạm Minh	Tiến	11/01/2010	6.5	7.75	5.75	20.00	
727	120727	031	Nguyễn Thành	Tiệp	04/11/2010	6	7.5	6.25	19.75	
728	120728	031	Nguyễn Bảo	Tín	04/12/2010	5.5	4.75	3.5	13.75	
729	120729	031	Đặng Hoàn	Tín	10/09/2010	6.25	6.75	6.75	19.75	
730	120730	031	Hồ Ngọc	Tín	03/12/2010	7.5	7.75	6.25	21.50	
731	120731	031	Nguyễn Đức	Tình	14/04/2010	7	7.25	2.75	17.00	
732	120732	031	Nguyễn Vũ Duy	Toàn	28/04/2010	8	6.75	5	19.75	
733	120733	031	Nguyễn Đức	Toàn	24/08/2010	6.5	6	6.5	19.00	
734	120734	031	Nguyễn Mậu	Toàn	23/05/2010	6.75	5.75	7.25	19.75	
735	120735	031	Dương Nhật	Toàn	03/05/2010	4.25	3.5	3	10.75	
736	120736	031	Huỳnh Nguyễn Thiện	Toàn	04/06/2010	5.5	6.25	3.25	15.00	
737	120737	031	Nguyễn Ngọc Đài	Trang	09/08/2010	7.25	3	9	19.25	
738	120738	031	Lê Đoan	Trang	20/01/2010	6.75	1.25	2.5	10.50	
739	120739	031	Trần Đoan	Trang	22/06/2010	5.75	3.75	4	13.50	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
740	120740	031	Nguyễn Hà	Trang	02/05/2010	4.75	5.5	4.25	14.50	
741	120741	031	Nguyễn Hà	Trang	30/12/2010	8.5	6	6.75	21.25	
742	120742	031	Nguyễn Trương Huyền	Trang	08/05/2010	7.75	5.5	5.75	19.00	
743	120743	031	Bùi Nhật Khánh	Trang	19/11/2010	4.5	5.5	4.25	14.25	
744	120744	031	Lê Ngọc Khánh	Trang	06/07/2010	8	9	8	25.00	
745	120745	032	Huỳnh Phương	Trang	19/03/2010	7.75	7.25	5	20.00	
746	120746	032	Nguyễn Phương	Trang	22/05/2010	9	9	9.75	27.75	
747	120747	032	Trần Thị Phương	Trang	24/08/2010	6.75	6.75	6	19.50	
748	120748	032	Lưu Hoàng Thanh	Trang	08/04/2010	6.75	7	4.5	18.25	
749	120749	032	Trương Thanh	Trang	05/08/2010	8	3.5	4.25	15.75	
750	120750	032	Nguyễn Thảo	Trang	23/05/2010	7.5	7.75	7	22.25	
751	120751	032	Đỗ Thùy	Trang	09/11/2010	7	6.25	5.5	18.75	
752	120752	032	Bùi Đàm Ngọc	Trăm	15/01/2010	7.75	7	6	20.75	
753	120753	032	Hồ Ngọc Bảo	Trâm	21/05/2010	6.75	3.75	3	13.50	
754	120754	032	Đặng Nguyễn Huyền	Trâm	20/10/2010	7.5	6.5	7	21.00	
755	120755	032	Võ Thị Mỹ	Trâm	07/10/2010	7	2	6	15.00	
756	120756	032	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	06/08/2010	7.75	3.75	4.25	15.75	
757	120757	032	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	22/07/2010	5.5	6	4.25	15.75	
758	120758	032	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23/03/2010	6	6.75	5.75	18.50	
759	120759	032	Nguyễn Đặng Quỳnh	Trâm	26/01/2010	3	3.25	5	11.25	
760	120760	032	Nguyễn Hoàng Thanh	Trâm	09/05/2010	4.75	2.25	4	11.00	
761	120761	032	Trần Thu	Trâm	16/01/2007	9	8.75	7.25	25.00	
762	120762	032	Trần Tô Tố	Trâm	18/09/2010	8	7.75	2.5	18.25	
763	120763	032	Trần Ngọc Tuyết	Trâm	11/05/2010	7	6	5	18.00	
764	120764	032	Dương Hoàng Bảo	Trân	13/01/2010	7.25	5.75	5.25	18.25	
765	120765	032	Hồ Bảo	Trân	20/12/2010	8.5	7	7	22.50	
766	120766	032	Võ Ngọc Bảo	Trân	06/09/2009	7	5.75	4.5	17.25	
767	120767	032	Lê Trần Bích	Trân	19/10/2010	5	1	3	9.00	
768	120768	032	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	01/03/2010	8.75	7.75	7	23.50	
769	120769	033	Phạm Khánh	Trân	23/05/2010	7.25	4.75	4.5	16.50	
770	120770	033	Phan Ngọc	Trân	02/04/2009	4.5	3.25	3.75	11.50	
771	120771	033	Lê Ngọc	Triển	28/09/2010	6.75	9	7	22.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
772	120772	033	Nguyễn Bảo	Trinh	14/07/2010	5.5	3.5	1.75	10.75	
773	120773	033	Nguyễn Ngọc	Trinh	17/11/2010	5.25	2	3	10.25	
774	120774	033	Nguyễn Minh	Trí	01/01/2010	7.75	8	7.75	23.50	
775	120775	033	Nguyễn Đỗ Minh	Trí	15/06/2009	2	7.25	4	13.25	
776	120776	033	Nguyễn Thạch	Trí	15/04/2010	7	4.5	3.75	15.25	
777	120777	033	Lê Minh	Trọng	23/04/2010	6.25	5	3.5	14.75	
778	120778	033	Võ Minh	Trung	05/05/2009	6	4	3	13.00	
779	120779	033	Trần Đặng Nhật	Trung	23/01/2010	7.75	7.5	8.5	23.75	
780	120780	033	Mai Lê Tân	Trung	27/04/2010	5.5	6	2.75	14.25	
781	120781	033	Phạm Hồng Huyền	Trúc	25/04/2010	4.5	1.25	3	8.75	
782	120782	033	Lê Thị Thanh	Trúc	19/09/2010	6.25	6.5	8.25	21.00	
783	120783	033	Nguyễn Nhật Thanh	Trúc	25/09/2010	6	6.25	3.25	15.50	
784	120784	033	Phạm Thanh	Trúc	20/01/2010	8.25	5.5	6.5	20.25	
785	120785	033	Lê Nguyễn Nhật	Trường	18/11/2010	6	8.5	6.75	21.25	
786	120786	033	Nguyễn Nhật	Trường	16/08/2010	6.75	3.25	5	15.00	
787	120787	033	Phạm Thiên	Trường	27/07/2010	4.75	7.75	6.5	19.00	
788	120788	033	Đặng Hoàng Anh	Tuấn	27/09/2010	6.5	7	2.5	16.00	
789	120789	033	Kiều Minh Anh	Tuấn	19/04/2010	5.5	1.5	2	9.00	
790	120790	033	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	14/11/2010	6.5	6.25	3.25	16.00	
791	120791	033	Trương Anh	Tuấn	03/11/2010	5.25	5.25	3.75	14.25	
792	120792	033	Nguyễn Thái Hoàng	Tuấn	20/10/2010	6.5	5.25	7.25	19.00	
793	120793	034	Văn Minh	Tuấn	13/09/2010	7.75	6.25	8.5	22.50	
794	120794	034	Nguyễn Ngọc	Tuấn	01/05/2010	3	4.5	2.75	10.25	
795	120795	034	Đỗ Thanh	Tuấn	25/12/2010	7	6.75	5.25	19.00	
796	120796	034	Phan Gia	Tuệ	26/01/2010	5.25	4.5	4	13.75	
797	120797	034	Lê Thị Ngọc	Tuyết	02/09/2010	5.75	5.25	5	16.00	
798	120798	034	Đặng Thị Khánh	Tuyền	08/04/2010	6	6.75	5.25	18.00	
799	120799	034	Nguyễn Đỗ Thanh	Tuyền	11/10/2010	4	4.5	2.5	11.00	
800	120800	034	Huỳnh Văn	Tuyền	06/05/2010	6.75	4.5	5	16.25	
801	120801	034	Nguyễn Mai	Tú	26/09/2010	3.83	7	5.25	16.08	
802	120802	034	Nguyễn Lê Thanh	Tú	01/10/2010	8	4.75	7	19.75	
803	120803	034	Nguyễn Anh	Tùng	07/11/2010	6.25	7	6.5	19.75	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
804	120804	034	Nguyễn Đức	Tùng	26/05/2010	5.25	7.75	5.5	18.50	
805	120805	034	Bùi Sơn	Tùng	03/11/2010	5.5	7	4.75	17.25	
806	120806	034	Đỗ Văn	Tùng	11/07/2010	5.75	5	2.75	13.50	
807	120807	034	Đoàn Thị Cát	Tường	03/01/2010	7	6.75	4.25	18.00	
808	120808	034	Nguyễn An Cát	Tường	19/07/2010	6.25	3.75	4.75	14.75	
809	120809	034	Dương Minh	Tưởng	10/03/2010	5.5	4.25	2	11.75	
810	120810	034	Ngô Minh	Tỷ	03/03/2010	6.5	6.25	3.75	16.50	
811	120811	034	Trương Gia	Uy	12/09/2010	4.5	3	3.5	11.00	
812	120812	034	Phạm Bảo	Uyên	29/03/2010	6.25	2.75	3	12.00	
813	120813	034	Nguyễn Lê Hoàng	Uyên	25/09/2010	7.25	2.75	3.5	13.50	
814	120814	034	Lý Nhã	Uyên	20/02/2010	7.75	6.75	3.75	18.25	
815	120815	034	Đỗ Mai Phương	Uyên	19/02/2010	7.5	6	5	18.50	
816	120816	034	Nguyễn Lê Phương	Uyên	30/03/2010	8.75	8.25	6	23.00	
817	120817	035	Nguyễn Thùy Tố	Uyên	09/03/2010	8.25	5.25	6.25	19.75	
818	120818	035	Trương Mai Tố	Uyên	02/09/2010	7.5	2	4	13.50	
819	120819	035	Trương Thị Trà	Uyên	07/05/2010	8.5	6.25	4.5	19.25	
820	120820	035	Nguyễn Xuân	Uyên	21/09/2010	7.5	5.25	5.25	18.00	
821	120821	035	Đoàn Ngọc	Vàng	26/01/2008	4.5	4.5	2.25	11.25	
822	120822	035	Nguyễn Kiên	Văn	19/02/2010	4.25	5.25	4.75	14.25	
823	120823	035	Trương Thị Hoàng	Vân	03/09/2010	7	6.25	6.75	20.00	
824	120824	035	Nguyễn Hoàng Thanh	Vân	18/04/2010	6	7	5.75	18.75	
825	120825	035	Nguyễn Hồ Thanh	Vân	11/08/2010	7	8.5	9	24.50	
826	120826	035	Nguyễn Thị Thanh	Vân	21/05/2010	6.75	8	6	20.75	
827	120827	035	Phạm Huỳnh Thùy	Vân	06/07/2010	6	6.5	5.25	17.75	
828	120828	035	La Khả	Vi	01/11/2010	5.5	3	3.5	12.00	
829	120829	035	Nguyễn Đặng Tường	Vi	06/03/2010	6.5	4	5.5	16.00	
830	120830	035	Phạm Quốc	Việt	13/11/2010	5.5	5.5	7.75	18.75	
831	120831	035	Vũ Quốc	Việt	01/12/2010	6.5	8.5	5.75	20.75	
832	120832	035	Trần Thành	Việt	26/04/2008	5.25	3.25	2.5	11.00	
833	120833	035	Lê Gia	Vinh	19/09/2010	5.75	6.25	6	18.00	
834	120834	035	Mai Nhật	Vinh	15/12/2010	7.5	3.25	5	15.75	
835	120835	035	Nguyễn Quang	Vinh	14/07/2010	5	5.25	2	12.25	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
836	120836	035	Lương Thế	Vinh	28/04/2010	5.5	2	1.75	9.25	
837	120837	035	Trần Đinh	Vũ	02/08/2010	4.5	2	1.5	8.00	
838	120838	035	Lương Ngọc	Vũ	23/03/2010	6.5	5.5	5	17.00	
839	120839	035	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Vũ	21/08/2010	5.5	3.25	4.25	13.00	
840	120840	035	Trần Lê Tuấn	Vũ	18/02/2010	5.5	4.25	4	13.75	
841	120841	036	Nguyễn Văn	Vũ	23/04/2010	5.75	6.5	3.75	16.00	
842	120842	036	Hoàng Anh	Vương	12/03/2010	6	5.75	2.75	14.50	
843	120843	036	Nguyễn Thùy Duy	Vương	09/09/2010	7.5	6	4.5	18.00	
844	120844	036	Lâm Nguyễn Anh	Vy	25/03/2010	5.75	4	2	11.75	
845	120845	036	Thái Thị Hiền	Vy	07/02/2010	5.5	6.5	3.25	15.25	
846	120846	036	Nguyễn Huyền	Vy	31/08/2010	7.25	7.25	7.25	21.75	
847	120847	036	Phan Thị Nhã	Vy	14/05/2010	7.25	8.75	7.5	23.50	
848	120848	036	Huỳnh Nhật	Vy	21/11/2010	6	8.75	3.75	18.50	
849	120849	036	Phạm Nguyễn Nhật	Vy	26/06/2010	5	1.25	4.75	11.00	
850	120850	036	Võ Nhật	Vy	18/11/2010	6	4.25	3.25	13.50	
851	120851	036	Đinh Nguyễn Phương	Vy	26/11/2010	5.25	8.75	5.5	19.50	
852	120852	036	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	09/08/2010	5.25	3.75	5	14.00	
853	120853	036	Nguyễn Ái Triều	Vy	06/08/2010	4.5	2.75	2.75	10.00	
854	120854	036	Đinh Phạm Tường	Vy	15/04/2010	7.75	7.5	5	20.25	
855	120855	036	Hồ Phạm Tường	Vy	06/06/2010	2.75	1.25	3	7.00	
856	120856	036	Lê Tường	Vy	17/06/2010	4.75	4.25	2.25	11.25	
857	120857	036	Lê Hoàng Tường	Vy	26/04/2010	5.5	6.5	4.25	16.25	
858	120858	037	Lê Nguyễn Tường	Vy	26/02/2010	6.25	6.25	3.25	15.75	
859	120859	037	Nguyễn Tường	Vy	11/04/2010	4	3	2.25	9.25	
860	120860	037	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	05/11/2010	7.75	5	4	16.75	
861	120861	037	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	19/12/2010	7.5	7.75	6.5	21.75	
862	120862	037	Nguyễn Thị Tường	Vy	29/11/2009	7	4.25	4.25	15.50	
863	120863	037	Văn Ngọc Tường	Vy	06/09/2010	4.5	4	3.5	12.00	
864	120864	037	Nguyễn Lộc	Xuân	25/05/2010	6.25	3	4.25	13.50	
865	120865	037	Tạ Ngọc Phú	Xuân	12/07/2010	7.5	6.5	5.25	19.25	
866	120866	037	Đoàn Thanh	Xuân	24/02/2010	6	2.25	3.25	11.50	
867	120867	037	Đồng Lê Hương	Yên	04/03/2010	8	7.25	6.75	22.00	

TT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm bài thi			Tổng	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
868	120868	037	Lê Hải	Yến	29/12/2010	6.75	6.25	5.25	18.25	
869	120869	037	Nguyễn Vũ Hải	Yến	20/03/2010	7	6.25	5.75	19.00	
870	120870	037	Trần Thị Thanh	Yến	08/04/2010	7.25	7	9.25	23.50	
871	120871	037	Đặng Ngọc Như	Ý	09/02/2010	6.25	6.25	2.5	15.00	
872	120872	037	Nguyễn Phước Như	Ý	06/07/2010	7.25	8.5	5	20.75	
873	120873	037	Trần Lê Như	Ý	06/05/2010	5.25	0.5	4.75	10.50	
874	120874	037	Lê Tâm	Ý	31/03/2010	6.75	4.5	6.5	17.75	

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG VĂN THỤ

Nguyễn Văn Tới